TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HS-ST
Ngày 03 - 9 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM

TÒA ÁN DÂN NHÂN HUYỆN B, TỈNH BẮC KẠN

Thành phần những người tiến hành tố tụng phiên tòa gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thế Doanh

- Thư ký phiên toà: Bà Đàm Thị Bưởi - Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà: Bà Bàn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 03/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 35/2019/TLST - HS ngày 23/8/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST - HS ngày 28/8/2019 đối với bị cáo:

Luân Văn T (tên gọi khác: không) - Sinh ngày 14 tháng 4 năm 1981 tại huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: Lớp 3/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Luân Văn K và bà Hoàng Thị Th; có vợ là Hoàng Thị T (đã ly hôn); con: Có 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt.

Bị hại: Ông Cao Thịnh C - Sinh năm 1961; Nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8 giờ 30 phút, ngày 26/6/2019, Luân Văn T (sinh năm 1981; trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện B) nhìn thấy ông Cao Thịnh C (sinh năm 1961; cư trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện B) đi ra khỏi nhà (nhà T cách nhà ông C khoảng 50m). Sau khi thấy ông C đi khuất tầm nhìn, T đi bộ xuống nhà ông C với mục đích để trộm cắp tài sản. Đến nơi thấy cổng không khóa, quan sát xung quanh không có ai, T mở cổng đi vào sân và đóng cổng lại. Thấy cửa ngoài đã khóa, T dùng tay trái ấn giữ cánh cửa gỗ rồi dùng tay phải cầm chốt giữ khóa giật mạnh làm chốt giữ khóa bung ra khỏi tường. T mở cửa vào trong nhà rồi khép cửa lại và đi thẳng đến trước bàn thờ bằng gỗ được khoan treo trên tường. T nhìn trên bàn thờ thấy có 01 chiếc ví và 01 tờ tiền polyme mệnh giá 100.000đ, dưới tờ giấy đỏ trải bàn thờ ở bên góc trái có 01 tập tiền buộc bằng dây nịt. T lấy tập tiền và rút lấy mấy tờ tiền mệnh giá 500.000đ rồi đút vào túi quần đằng sau bên phải đang mặc. Sau đó, T đặt tập tiền vào vị trí cũ, đi ra đóng cửa lại như lúc ban đầu rồi về nhà. Khi về đến nhà, T lấy số tiền trộm cắp được ra đếm được 13 tờ tiền mệnh giá 500.000đ, tổng cộng là 6.500.000đ. Sau đó, T tiêu sài cá nhân hết 4.500.000đ.

Ngày 02/7/2019, ông C có đơn trình báo sự việc mất trộm tiền. Cùng ngày, T ra tự thú tại Công an huyện B và nộp lại số tiền 2.000.000đ.

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 01/QĐ - VKS - BT ngày 23/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B quyết định truy tố Luân Văn T ra trước Toà án nhân dân huyện B để xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B Thông vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Tòa án:

- Tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng được hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

- Về trách nhiệm dân sự: Do bị cáo đã nộp lại số tiền 2.000.000đ và bồi thường cho bị hại số tiền 4.500.000đ. Tại phiên tòa, bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề nghị xem xét.

- Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bị hại số tiền 2.000.000đ.

- Về án phí: Đề nghị miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1]. Về hành vi và quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi trộm cắp sản như quyết định truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ để khẳng định: Khoảng 8 giờ 30 phút ngày 26/6/2019, lợi dụng ông Cao Thịnh C không có nhà, Luân Văn T đã có hành vi lén lụt chiếm đoạt số tiền 6.500.000đ (sáu triệu năm trăm nghìn đồng) thuộc quyền sở hữu của ông Cao Thịnh C.

Hành vi của bị cáo được thực hiện khi bị cáo đã có đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, Quyết định truy tố số 01/QĐ - VKS - BT ngày 23/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Thông truy tố Luân Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có nội dung:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng…thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

……

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".

[3]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo thấy: Bị cáo có nhân thân tốt; trước khi bị phát hiện, bị cáo đã tự thú; quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường cho bị hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo gây ra đối với xã hội, xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy chỉ cần cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đảm bảm tính giáo dục cho bị cáo và tính răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội. Vì vậy, mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xét thấy bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, không có tài sản riêng nên không có khả năng thi hành. Vì vậy, Tòa án không áp dụng.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo nộp lại số tiền 2.000.000đ và ngày 26/7/2019 bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 4.500.000đ. Tại phiên tòa, bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

[5]. Về vật chứng của vụ án: Số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) được niêm phong trong phong bì ký hiệu "M1" là tài sản của ông C bị T chiếm đoạt nên cần trả lại cho ông C.

[6]. Về án phí: Bị cáo Luân Văn T thuộc diện hộ cận nghèo và có đơn xin miễn án phí nên chấp nhận miễn án phí cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Luân Văn T phạm: "Tội trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Luân Văn T 09 (chín) tháng tù nhưng được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay

đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

- Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho ông Cao Thịnh C số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) được niêm phong trong phong bì ký hiệu "M1".

(*Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 26/8/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bạch Thông và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bạch Thông*).

- Về án phí: Căn cứ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14: Bị cáo Luân Văn T được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện B;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Công an huyện B;
- Bị cáo, bị hại;
- Chi cục THADS huyện B;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn;
- Lưu hồ sơ; văn phòng.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thế Doanh